TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2023/DS-PT
Ngày: 09-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Diệp;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"; do Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 17 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 234/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đinh Thị R, sinh năm 1951; Địa chỉ: tổ D, khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện ủy quyền của bà R là ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1987; trú tại: Tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh (theo giấy ủy quyền ngày 23 tháng 8 năm 2021); có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Quách Thị V, sinh năm 1957; trú tại: tổ C, ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Ông Cao Phước L, sinh năm 1995 và chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1993; trú tại: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người kháng cáo: bà Đinh Thị R là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 23 tháng 8 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đinh Thị R *và đại diện ủy quyền của bà* R *là ông* Nguyễn Duy H *trình bày:*

Bà Lê Thị Bích T là cán bộ đoàn thanh niên của UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có đến nhà tặng quà trong các dịp lễ, tết nên khi bà T khó khăn có hỏi vay tiền thì bà R có cho bà T vay nhiều lần. Do bà T là cán bộ nên tin tưởng khi vay không ghi biên nhận nợ. Đến ngày 01-7-2021 bà và bà T có thống nhất lại toàn bộ số tiền vay bà T còn nợ bà là 965.000.000 (chín trăm sáu mươi lăm triệu) đồng, bà T viết giấy nhận nợ và giao cho bà giữ. Theo thỏa thuận các bên nếu bà T trả cho bà 300.000.000 đồng vào ngày 01-8-2021; trả tiếp 150.000.000 đồng vào ngày 01-9-2021 và trả tiếp 150.000.000 đồng vào ngày 01-10-2021 thì bà R sẽ tạo điều kiện cho bà T chỉ trả 600.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó thì bà T không thực hiện theo nội dung đã cam kết, kéo dài để tẩu tán tài sản không trả nợ.

Sau khi ký giấy nợ xong thì bà T không trả nợ mà cùng mẹ ruột là bà Quách Thị V đến phòng Công chứng Kiều Thị Huyền C lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) số 3742/2021 chuyển dịch toàn bộ tài sản duy nhất của bà T là phần đất diện tích 192m^2, thửa số 365, tờ bản đồ số 38; Giấy chứng nhận QSDĐ số CS 04063, số phát hành CP 375217 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 31-8-2018 cho bà Lê Thị Bích T đứng tên (chỉnh lý trang 4 cho bà V) với giá 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 17-11-2021, bà R trình bày: Sau khi bà T chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho mẹ ruột là bà Quách Thị V xong. Ngày 03-8-2021 bà V tiếp tục chuyển nhượng phần đất này cho ông Cao Phước L với giá 30.000.000 (ba chục triệu) đồng. Bà T cố tình tẩu tán tài sản, trốn tránh việc trả nợ.

Nay bà R yêu cầu bà T trả số nợ là 965.000.000 (chín trăm sáu mươi lăm triệu) đồng và tính lãi theo lãi suất cơ bản là 0,83%/tháng. Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Quách Thị V với bà Lê Thị Bích T và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà V và ông Cao Phước L. Ưu tiên thanh toán số nợ cho bà R bằng tài sản trên.

** Theo bị đơn bà* Lê Thị Bích T *và đại diện theo ủy quyền của bà* T *là ông* Nguyễn Văn T1 *trình bày:*

Bà R và bà T có mối quan hệ quen biết từ trước, bà T là người làm ăn kinh doanh và có vay tiền của bà R từ năm 2019, vay nhiều lần, có khoản vay trả lãi theo ngày, có khoản trả lãi theo tháng. Việc vay mượn tiền các bên không làm giấy tờ gì, chỉ ghi vào sổ của bà R. Khi gút nợ thì bà R tính cả gốc và lãi tổng cộng nợ 965.000.000 (chín trăm sáu mươi lăm triệu) đồng và yêu cầu bà T phải trả hết số tiền này. Bà T cho rằng số nợ trên là không đúng, thực tế chỉ nợ khoảng 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, hai bên phát sinh tranh chấp, bà T ngưng không trả lãi. Ngày 01-7-2021, bà T và bà R làm giấy tay thống nhất bà T còn nợ bà R số tiền 600.000.000 đồng, hứa trả số nợ này làm 3 lần: Lần 1 trả vào ngày 01-8-2021 là 300.000.000 đồng; lần 2 trả vào ngày 01-9-2021 là 150.000.000 đồng; lần 3 trả vào ngày 01-10-2021 là 150.000.000 đồng. Do dịch bệnh làm ăn gặp khó khăn chưa thu hồi được vốn kịp nên ngày 06-8-2021 bà T có trả cho bà R số tiền 30.000.000 (ba chục triệu) đồng, theo giấy nhận tiền ngày 06-8-2021. Bà R không đồng ý với cách trả nợ trên của bà T nên tiếp tục phát sinh tranh chấp. Bà R yêu cầu bà T trả số tiền 965.000.000 đồng, bà T không đồng ý. Hiện bà T còn giữ bản chính giấy gút nợ 600.000.000 đồng và biên nhận nợ 30.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với bà V và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà V và ông L thì bà T không đồng ý vì: Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, khi thực hiện giao dịch thì bà T không cầm cố hay thế chấp QSDĐ trên cho bà R để đảm bảo nghĩa vụ gì, cũng như không bị các cơ quan chức năng có thẩm quyền ngăn chặn, cấm chuyển dịch. Bà T chuyển nhượng QSDĐ cũng không nhằm tẩu tán tài sản, không trốn tránh nghĩa vụ với ai, bà T cũng không vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà R mà các bên phát sinh tranh chấp đối với khoản vay gốc và tiền lãi.

Nay bà R khởi kiện, bà T chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 570.000.000 (năm trăm bảy chục triệu) đồng. Không đồng ý hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên vì không vi phạm.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Bà Quách Thị V trình bày:

Bà là mẹ ruột của bà T, việc vay mượn tiền giữa bà R và bà T diễn ra từ năm 2019, bà nghe T nói bà R lấy lãi cao, dồn nợ lãi và nợ gốc nên T không có khả năng đóng lãi cho bà R. Bà R kiện đòi nợ thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với bà T và giữa bà với ông Cao Phước L, bà R yêu cầu hủy thì bà không đồng ý vì các hợp đồng trên được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện giao dịch, phần đất này không thế chấp hay cầm cố cho ai, cũng như

không bị các cơ quan chức năng có thẩm quyền ngăn chặn, cấm chuyển dịch. Việc bà nhận chuyển nhượng và chuyển nhượng cho người khác là hợp pháp.

- Ông Cao Phước L và chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày: Ông L và chị G là vợ chồng hiện đang sống trên phần đất đã chuyển nhượng của bà Quách Thị V nhưng đây là tài sản riêng của ông mua trong thời kỳ hôn nhân không liên quan đến vợ ông. Đất trên ông nhận chuyển nhượng của bà Quách Thị V vào tháng 8 năm 2021, số tiền mua là 1.490.000.000 (một tỷ bốn trăm chín chục triệu) đồng. Trong hợp đồng chuyển nhượng chỉ ghi giá chuyển nhượng là 30.000.000 đồng là để đóng thuế nhẹ. Ông thấy bà V đăng bản bán đất và giấy tờ hợp lệ nên ông mua, giữa ông và bà V không có họ hàng hay quen biết gì. Ông không biết đất trên là của bà V mua của bà T là con gái ruột của bà V bị vỡ nợ, khi mua trên đất có căn nhà tạm cấp 4 xây đã cũ, không trần, không thể ở được. Khi mua xong ông L chỉ giữ lại phần vách tường còn toàn bộ là sửa lại mới, làm mới sảnh trước, nhà bếp, hàng rào phía sau và lát nền, ốp tường mới như hiện tại, trang thiết bị sắm trong nhà gắn liền với tường không thể di dời được. Ông L đang đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ và sở hữu nhà, chi phí sửa nhà làm lại mới gần 1 tỷ đồng, hiện vợ chồng ông và chị G đang sống trên căn nhà trên. Nay được biết việc mua bán sang nhượng đất của bà V và bà T bị chủ nợ yêu cầu tuyên bố vô hiệu và cũng yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông và bà V vô hiệu, ông và chị G không đồng ý, vì ông mua tài sản trên là ngay tình không biết việc nợ nần gì của mẹ con bà V, hiện ông đã có cuộc sống ổn định.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 17 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo đã quyết định*:*

Căn cứ Điều 122, 124, 131, 133, 463, 466; 468 và Điều 500 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Đinh Thị R đối với bà Lê Thị Bích T.

Buộc bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị R số tiền 661.939.000 (sáu trăm sáu mươi mốt triệu chín trăm ba mươi chín ngàn) đồng; trong đó vốn 570.000.000 đồng và lãi 91.939.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Đinh Thị R đối với bà Lê Thị Bích T đối với số tiền 365.000.000 (ba trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị R về "Tranh chấp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" giữa bà Lê Thị Bích T với bà Quách Thị V.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng: 3742 quyển số: 07/2021 TP/CC – SCC/HĐGD được Phòng C1 ký ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa bà Lê Thị Bích T với bà Quách Thị V là vô hiệu.

Buộc bà Lê Thị Bích T có trách nhiệm trả cho bà Quách Thị V số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Buộc bà Quách Thị V có trách nhiệm giao trả cho bà Lê Thị Bích T số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị R về "Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" giữa bà Quách Thị V với ông Cao Phước L.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng: 4173 quyển số: 08/2021 TP/CC – SCC/HĐGD được Phòng C1 ký ngày 03 tháng 8 năm 2021 giữa bà Quách Thị V với ông Cao Phước L là không vô hiệu do ngay tình.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30-3-2023, bà Đinh Thị R làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà V với ông L vô hiệu và buộc các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Duy H đại diện theo ủy quyền của bà R giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà R, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: đơn kháng cáo của bà Đinh Thị R trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Lê Thị Bích T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Quách

Thị V, ông Cao Phước L vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Xét kháng cáo của bà R thấy rằng:

[2.1] Bà R kháng cáo một phần bản án đối với yêu cầu hủy đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02-7-2021 giữa bà T với bà V và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03-8-2021 giữa bà V với ông L đối với diện tích 192 m^2 đất, tại thửa số 365, tờ bản đồ số 38, đất tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh là tài sản duy nhất của bà T, bà T sang nhượng đất lấy tiền nhưng không trả nợ là tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với bà R.

[2.2] Xét tính hợp pháp của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02-7-2021 giữa bà T với bà V được công chứng tại Văn phòng công chứng (viết tắt VPCC) Kiều Thị Huyền C, số công chứng 3742, quyển số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD.H ngày 02-7-2021 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà V với ông L lập ngày 03-8-2021, được công chứng tại VPCC K, số công chứng 4173, quyển số 08/2021 TP/CC-SCC/HĐGD.H ngày 03/8/2021.

Về hình thức các hợp đồng đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 502 của Bộ luật Dân sự.

Về nội dung của hợp đồng:

- Bà T biết rõ quyền sử dụng phần đất chuyển nhượng 192 m^2 là tài sản duy nhất, bà T đang phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nhiều người nhưng đã cố tình chuyển nhượng tài sản duy nhất của mình cho bà V là mẹ ruột của mình; giá chuyển nhượng 500.000.000 đồng là rất thấp so giá thực tế tại thời điểm chuyển nhượng. Số tiền chuyển nhượng được bà T cũng không nhằm mục đích trả nợ, do đó có đủ căn cứ xác định hợp đồng chuyển nhượng ngày 02-7-2021 giữa bà T và bà V là nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ 3.

- Ông L là người nhận chuyển nhượng phần đất từ bà V sau khi bà V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông L và bà V đã có việc bàn giao nhà và đất, ông L là người quản lý sử dụng đã tạo lập thêm các tài sản và xây dựng thêm công trình trên đất. Giá chuyển nhượng giữa ông L và bà V là 1.500.000.000 đồng trên thực tế là phù hợp giá trị thực tế tại thời điểm chuyển nhượng. Ông L không biết việc bà T chuyển nhượng cho bà V nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ 3, do đó có căn cứ xác định ông L là người thứ 3 ngay tình.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02-7-2021 giữa bà T với bà V vô hiệu là đúng quy định của pháp luật. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03-8-2021 giữa bà V

và ông L do bảo vệ người thứ 3 ngay tình theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

[2.4] Do công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03-8-2021 giữa bà V và ông L, việc bà V không thể hoàn trả lại phần diện tích quyền sử dụng đất, khôi phục lại tình trạng ban đầu khi xử lý hợp đồng vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà V phải trả lại cho bà T số tiền tương đương với giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm hiện tại là đúng theo quy định của pháp luật về xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự.

[3] Bà R kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết mới do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo; đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà R phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng bà R là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn,giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị R;

- Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 17 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

2. Căn cứ Điều 122, 124, 131, 133, 463, 466; 468 và Điều 500 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Đinh Thị R đối với bà Lê Thị Bích T.

2.2. Buộc bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị R số tiền 661.939.000 (sáu trăm sáu mươi mốt triệu chín trăm ba mươi chín nghìn) đồng; trong đó vốn 570.000.000 đồng và lãi 91.939.000 đồng.

2.3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Đinh Thị R đối với bà Lê Thị Bích T đối với số tiền 365.000.000 (ba trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

2.4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị R về "Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng" đối với bà Lê Thị Bích T, bà Quách Thị V.

2.5. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng: 3742 quyển số: 07/2021 TP/CC – SCC/HĐGD được Phòng C1 ký ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa bà Lê Thị Bích T với bà Quách Thị V là vô hiệu.

- Buộc bà Lê Thị Bích T có trách nhiệm trả cho bà Quách Thị V số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Buộc bà Quách Thị V có trách nhiệm giao trả cho bà Lê Thị Bích T số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng do không giao được hiện vật.

2.5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị R về "Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng" đối với bà Quách Thị V và ông Cao Phước L.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng: 4173 quyển số: 08/2021 TP/CC – SCC/HĐGD được Phòng C1 ký ngày 03 tháng 8 năm 2021 giữa bà Quách Thị V với ông Cao Phước L là không vô hiệu do ngay tình.

2.6. Về chi phí tố tụng:

Chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.080.000 đồng bà T phải chịu, bà R đã chi trả số tiền trên nên buộc bà T trả lại cho bà R số tiền 3.080.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người bị thi hành án còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Bích T phải chịu 30.477.500 đồng về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và 300.000 đồng về tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu. Tổng số tiền án phí bà Lê Thị Bích T phải chịu là 30.777.500 (ba mươi triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

- Bà Đinh Thị R được miễn.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị R được miễn.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Hữu Chiến

Nơi nhận:
- VKSND.TTN;
- TAND.huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành. ;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.